TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Huỳnh Vĩnh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 27, hẻm 35, đường Đ, khu phố N, phường NT, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay : Ấp N2, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-02-2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, đến tháng 01 năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NT, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh vợ chồng bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, cuộc sống vợ chồng thường xuyên gây gỗ, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Diễm Th, sinh ngày 11-9-2016. Chị yêu cầu nuôi cháu Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Huỳnh Vĩnh T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng không có gì lớn do anh và chị P thường xuyên gây gỗ, bất đồng quan điểm sống. Anh T còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị P trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn; nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt, là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự..

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị P và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016 và có kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường NT, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị P thấy rằng:

Quá trình chung sống giữa chị P và anh T xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018 mà không thể tự giải quyết và hàn gắn được; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, cãi vã dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc.

Qua xác minh bên gia đình anh T thấy rằng: Vợ chồng anh T chị P gây gỗ với nhau do không sắp xếp được chỗ ở, vợ chồng khắc khẩu, bất đồng quan điểm. Vấn đề ly hôn giữa anh T và chị P, hai bên gia đình có khuyên ngăn nhưng không có kết quả.

Từ năm 2021 chị P đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T 02 (hai) lần, quá trình hòa giải anh chị thống nhất đoàn tụ gia đình, tuy nhiên sau đó vợ chồng không thể tự dung hòa cuộc sống nên nay chị P tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T yêu cầu đoàn tụ gia đình, tuy nhiên Tòa án triệu tập tham gia phiên hòa giải, anh T không đến, không thể hiện được thiện chí cũng như không có giải pháp để đoàn tụ gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phượng và anh T có 01 người con chung là Huỳnh Diễm Th, sinh ngày 11-9-2016, hiện đang sống với chị P. Xét thấy chị P làm nghề buôn bán và thu nhập bình quân của chị P là 10.000.000 đồng/tháng, có thời gian và điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt hơn so với anh T làm thợ hồ theo công trình phải di chuyển theo chỗ làm ít thời gian ở nhà. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; chị P không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị P và anh T không có nợ chung.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn; nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoài P đối với anh Huỳnh Vĩnh T.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Hoài P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Diễm Th, sinh ngày 11-9-2016; ghi nhận chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoài P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu số 0012093 ngày 17-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; chị P đã nộp đủ án phí.

6. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân H. D;
- Chi cục THADS H. D;
- Ủy ban nhân dân phường NT, TPTN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Huỳnh Châu